



zī běn jiā
资本家

noun · capitalist

Example Sentences

Zī běn jiā tōng guò tóu zī gōng chǎng lái huò qǔ lì rùn
资本家通过投资工厂来获取利润。

Capitalists obtain profits by investing in factories.

Zài lì shǐ shàng , zī běn jiā céng shòu dào xǔ duō pī píng
在历史上，资本家曾受到许多批评。

In history, capitalists have received a lot of criticism.

Trace each character, then write the word on your own.

资	资	资	资	资	资	资	资	资	资	资
资	资									
本	本	本	本	本	本	本	本			
家	家	家	家	家	家	家	家	家	家	家
家	家									